

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HÓA**

Thẩm phán ra quyết định: Ông Lê Xuân Vinh

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án ngày 01/10/2021 giữa các bên đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” giữa.

Người Khởi kiện: Chị Trịnh Thị N – Sinh năm 1990.

Người bị kiện: Anh Bùi Văn V – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn MT, xã MS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh NL - Phòng Giao dịch LS. Địa chỉ: Xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh C – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh NL.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận của các bên trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên trong biên bản hòa giải thành ngày 01/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành và tài liệu kèm theo, không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải là người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Bùi Văn V.

* Về con cái: Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Anh K – Sinh ngày 11/4/2014 đến tuổi thành niên. Anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị H – Sinh ngày 14/5/2011 đến tuổi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ngăn cấm.

* Về phần tài sản: Chị Trịnh Thị N và anh Bùi Văn V phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh NL - Phòng Giao dịch LS số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và số tiền lãi còn nợ trong sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay sổ vay vốn số 3510332469249 ngày 15/01/2018.

Chị Trịnh Thị N và anh Bùi Văn V mỗi người phải trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và số tiền lãi theo sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay sổ vay vốn số 3510332469249 ngày 15/01/2018.

Chị N và anh V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo mức lãi xuất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận trong sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay sổ vay vốn số 3510332469249 ngày 15/01/2018 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh NL – Phòng giao dịch LS và chị Trịnh Thị N.

* Về án phí, lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Chị Trịnh Thị N và anh Bùi Văn V không phải chịu lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

6. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Xuân Vinh